

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN T
TỈNH LONG AN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2021/DSST

Ngày: 05-3-2021

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Vĩnh Lâm.

2. Bà Nguyễn Ngọc Nhuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiếu Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân T tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim The – Kiểm sát viên

Trong ngày 05 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 301/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐST-DS ngày 03/02/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lý Thanh H, sinh năm 1961

Bà Hồ Thị K, sinh năm 1959

Địa chỉ: khu phố 2, phường 1, thị xã Kiến T, tỉnh Long An

2. *Bị đơn:* Nguyễn Thị T, sinh năm 1950

Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1972

Địa chỉ: ấp Giồng D, xã Hậu Thạnh T, huyện Tân T, tỉnh Long An

Người đại diện theo ủy quyền của bà O: Ông Nguyễn Văn T, 1973

Địa chỉ: ấp Giồng Dung, xã Hậu Thạnh Tây, huyện Tân T, tỉnh Long An

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973

Địa chỉ: ấp Giồng D, xã Hậu Thạnh T, huyện Tân T, tỉnh Long An

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 22/02/2019, bà T và bà O có vay của ông H và bà K số tiền là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), lãi suất 1%/tháng, hứa thời gian ba tháng trả. Đến nay thời gian đã lâu nhưng bà T và bà O vẫn chưa trả. Do đó, ông H và bà K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T và bà O trả số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 22/02/2019 cho đến khi thanh toán xong.

Bị đơn Nguyễn Thị Kiều O và người đại diện hợp pháp của bà O là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Bà và chồng của bà là ông Nguyễn Văn T có vay 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) của bà Hồ Thị K và ông Lý Thanh H vào ngày 17/6/2018, khi vay có làm biên nhận, vay có lãi với mức lãi suất 3%/tháng, cụ thể lãi 9.000.000đ/tháng (Chín triệu đồng). Bà O và ông T đã trả lãi được 19 tháng, kể từ ngày vay 17/6/2018. Việc vay tiền của bà K và ông H là do bà và chồng của bà là ông T vay không có liên quan đến bà Nguyễn Thị T. Do hoàn cảnh khó khăn nên bà O và ông T không có khả năng thanh toán cho bà K và ông H.

Hiện nay, đối với yêu cầu khởi kiện của bà K và ông H yêu cầu bà O và bà T liên đới trả 300.000.000đ tiền vay và lãi phát sinh theo mức lãi suất 1%, bà O không đồng ý do bà T không có liên quan. Bà O đồng ý cùng ông T liên đới trả số nợ gốc 300.000.000đ và tiền lãi như bà K và ông H yêu cầu nhưng xin trả dần do điều kiện kinh tế khó khăn, không có khả năng trả một lần.

Bà Nguyễn Thị T trình bày: con gái của bà T là Nguyễn Thị Kiều O cùng chồng là Nguyễn Văn T vay của ông H, bà K 300.000.000đ và trả lãi hàng tháng. Đến khi bà O không trả lãi nữa thì bà K có ghi âm việc vay mượn số tiền 300.000.000đ. Bà T chỉ thừa nhận là con gái bà có vay của bà K số tiền nêu trên chứ bà T không có bảo lãnh số nợ của con gái bà.

Hiện nay, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà và bà O liên đới trả nợ gốc 300.000.000đ và tiền lãi, bà không đồng ý do bà không có vay và cũng không có bảo lãnh cho bà O vay tiền của bà K, ông H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông T cùng vợ là bà Nguyễn Thị Kiều O có vay 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) của bà Hồ Thị K và ông Lý Thanh H vào ngày 17/6/2018, khi vay có làm biên nhận, vay có lãi với mức lãi suất 3%/tháng, cụ thể lãi 9.000.000đ/tháng (Chín triệu đồng). Ông và bà O đã trả lãi được 19 tháng. Việc vay tiền của bà K và ông H là do ông và bà O vay, không có liên quan đến bà Nguyễn Thị T. Do hoàn cảnh khó khăn nên bà O và ông T không có khả năng thanh toán cho bà K và ông H. Hiện nay, ông đồng ý cùng bà O liên đới trả nợ gốc 300.000.000đ và tiền lãi

theo mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 22/02/2019. Về thời gian, ông đề nghị được trả dần do không có khả năng trả một lần.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có thay đổi yêu cầu khởi kiện, hiện nay ông H, bà O không yêu cầu bà T cùng liên đới trả nợ với bà O, mà yêu cầu bà O và ông T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H, bà K số tiền nợ gốc 300.000.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 22/02/2019 cho đến khi thanh toán xong.

Ông Nguyễn Văn T là người đại diện hợp pháp của bà Võ Thị Kiều Oanh đồng thời ông cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông H, bà K được thay đổi tại phiên tòa, cụ thể ông T và bà O đồng ý liên đới trả cho ông H, bà K số tiền nợ gốc 300.000.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 22/02/2019 nhưng về thời gian trả xin được trả dần do hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

- Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân T:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi nghị án.

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật TTDS.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân T.

[2] Về việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa: Tại phiên tòa, ông H và bà K có thay đổi yêu cầu khởi kiện, hiện nay ông H, bà K không yêu cầu bà T cùng liên đới trả nợ với bà O mà yêu cầu bà O và ông T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H, bà K số tiền nợ gốc và tiền lãi. Như vậy nguyên đơn có thay đổi yêu cầu đối với chủ thể có nghĩa vụ trả nợ so với yêu cầu khởi kiện ban đầu. Xét thấy, ngay từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã đưa ông Nguyễn Văn T tham gia tố tụng

với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trong quá trình tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, ông T đều đồng ý cùng bà O có nghĩa vụ liên đới trả nợ gốc và lãi đã vay của ông H và bà K. Tại phiên tòa, sau khi được hỏi và giải thích quy định pháp luật, ông T đồng ý tiếp tục phiên tòa giải quyết vụ án mà không cần ngừng phiên tòa để thông báo lại cho ông về việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện. Do đó, có cơ sở chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại phiên tòa.

[3] Về nội dung:

Trong quá trình giải quyết vụ án, giữa các đương sự có tranh chấp với nhau về việc có hay không có phát sinh giao dịch bảo đảm bằng hình thức bảo lãnh và về chủ thể có nghĩa vụ liên đới trả nợ. Tuy nhiên, tại phiên tòa, nguyên đơn đã thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với nghĩa vụ bảo lãnh và các đương sự đã thống nhất được với nhau về chủ thể có nghĩa vụ liên đới trả nợ, về số nợ gốc và về mức lãi suất cũng như thời gian tính lãi. Cụ thể bà O và ông T nợ ông H và bà K số tiền 300.000.000đ. Ông T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà O đồng ý trả nợ gốc và lãi theo yêu cầu của bà K, ông H, tiền lãi tính lãi theo mức lãi suất 1%, thời gian tính lãi từ ngày 22/02/2019. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể nợ gốc và lãi bà O và ông T có nghĩa vụ trả cho ông H, bà K như sau:

Tiền lãi từ ngày 22/02/2019 đến ngày xét xử (05/3/2021) là 24 tháng 11 ngày x 300.000.000đ x 1%/tháng, tiền lãi là 73.100.000đ (Bảy mươi ba triệu một trăm nghìn đồng).

Tổng cộng gốc và lãi tính đến ngày 05/3/2021 là 373.100.000đ (Ba trăm bảy mươi ba triệu một trăm nghìn đồng).

Về thời gian trả, giữa các đương sự không thỏa thuận được nên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn có quyền liên hệ Cơ quan Thi hành án dân sự để thực hiện thủ tục yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí; Bà Nguyễn Thị Kiều O và anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí là 18.655.000đ tương ứng với nghĩa vụ phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, 147, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 288, 357, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị K và ông Lý Thanh H.

Buộc bà Nguyễn Thị Kiều O và anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hồ Thị K và ông Lý Thanh H số tiền gốc 300.000.000đ, tiền lãi là 73.100.000đ, tổng cộng gốc và lãi là 373.100.000đ (Ba trăm bảy mươi ba triệu một trăm nghìn đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm trả: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bà Hồ Thị K và ông Lý Thanh H không phải chịu án phí nên được trả lại tiền số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.962.000 (Tám triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001248, ngày 11/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân T.

3.2. Bà Nguyễn Thị Kiều O và ông Nguyễn Văn T phải chịu 18.655.000đ (Mười tám triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân T;
- Chi cục THADS huyện Tân T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Ánh